

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2018

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 609A/QĐ-ĐHTTr ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)*

<b>Tên chương trình:</b>	<b>Kế toán (Accounting)</b>
<b>Trình độ đào tạo:</b>	<b>Đại học</b>
<b>Ngành đào tạo:</b>	<b>Kế toán tổng hợp</b>
<b>Mã số:</b>	<b>7340301</b>
<b>Loại hình đào tạo:</b>	<b>Chính quy</b>
<b>Thời gian đào tạo:</b>	<b>4 năm</b>

### 1. Mục tiêu đào tạo

- Đào tạo cử nhân ngành Kế toán trình độ đại học, có sức khỏe, phẩm chất, đạo đức tốt, tư tưởng chính trị vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có khả năng làm việc theo nhóm, sử dụng được tiếng Anh giao tiếp, đọc hiểu tài liệu tiếng Anh chuyên ngành, có trình độ chuyên môn, kỹ năng tay nghề thành thạo; có kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính và chuyên sâu về nghiệp vụ kế toán, đáp ứng được yêu cầu của xã hội trong sự nghiệp phát triển khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực chuyên ngành kế toán, phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế.

- Người học có khả năng tự nghiên cứu các vấn đề kế toán và tiếp tục học nâng cao trình độ, thích ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

### 2. Chuẩn đầu ra ngành đào tạo

Sau khi tốt nghiệp ngành Kế toán, người học phải đạt được các yêu cầu sau:

<b>Mã CĐR</b>	<b>Nội dung CĐR</b>
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Giải thích và vận dụng được các kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế và chính sách pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực chuyên môn và cuộc sống; Được cấp chứng chỉ giáo dục thể chất và quốc phòng.
CĐR 2	Sử dụng được những kiến thức cơ bản cần thiết về toán kinh tế để giải quyết các bài toán trong lĩnh vực kế toán; Sử dụng thành thạo kỹ năng về công nghệ thông tin cơ bản trong công tác kế toán.

CĐR 3	Giải thích được các vấn đề kinh tế cơ bản về tài chính - tiền tệ, marketing căn bản, kinh tế vi mô, vĩ mô được áp dụng trong lĩnh vực kế toán; Có kiến thức cơ bản về: Luật doanh nghiệp, Luật kế toán, Luật thuế, Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán, các thông tư văn bản hướng dẫn để giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động của đơn vị kế toán.
CĐR 4	Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp, nguyên lý thống kê, nguyên lý kế toán vào trong quá trình xử lý các nghiệp vụ kế toán, tài chính theo từng phần hành kế toán thuộc các loại hình doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp;
CĐR 5	Hiểu và vận dụng được các quy định hiện hành về từng loại sắc lệnh thuế có liên quan tới hoạt động kế toán của đơn vị kế toán;
CĐR 6	Hiểu và vận dụng được hệ thống chứng từ kế toán tương ứng với từng phần hành kế toán, xây dựng được quy trình lập, xử lý và luân chuyển chứng từ kế toán, lưu trữ chứng từ kế toán để thực hiện công việc kế toán tại các đơn vị kế toán;
CĐR 7	Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp lập hệ thống báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị tại các đơn vị kế toán; Hiểu và vận dụng được hệ thống tài khoản và sổ kế toán theo chế độ kế toán hiện hành để thực hiện công việc kế toán tại các đơn vị kế toán;
CĐR 8	- Có trình độ Tin học đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin) và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán. - Ngoại ngữ: : Đạt trình độ ngoại ngữ Tiếng Anh chứng chỉ B trở lên.
<b>Về kỹ năng</b>	
Kỹ năng cứng	
CĐR 9	Sử dụng thành thạo hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán, sửa chữa các sai sót theo chế độ kế toán hiện hành trong hoạt động kế toán phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp;
CĐR 10	Lập, đọc và phân tích các báo cáo tài chính, báo cáo thuế, theo chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành;
CĐR 11	Kiểm tra việc chấp hành chế độ, chính sách về kế toán, tài chính và thuế tại doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp;
CĐR 12	Tra cứu, khai thác và sử dụng các thông tin liên quan đến kế toán, tài chính, thuế một cách hiệu quả.
Kỹ năng mềm	
CĐR 13	Có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; tự học, tự nghiên cứu và kỹ năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp.

CĐR 14	Có kĩ năng phát hiện, phân tích, xử lí tình huống và giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng những yêu cầu của xã hội;
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 15	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; có niềm tin và ủng hộ đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; phấn đấu trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;</li> <li>- Có ý thức tổ chức kỉ luật tốt, phong cách làm việc khoa học, tự giác, chủ động, năng động, sáng tạo; phấn đấu đạt hiệu quả cao trong công việc;</li> <li>- Có thái độ phục vụ cởi mở, thân thiện, cầu tiến trong học tập và trong công việc đảm nhiệm;</li> <li>- Có niềm tin và quan điểm sống phù hợp với vai trò và trách nhiệm của mình đối với cộng đồng và xã hội;</li> </ul>
CĐR 16	- Tôn trọng nguyên tắc nghề nghiệp, yêu nghề; Đạt chuẩn về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: Trung thực, khách quan, thận trọng, kiên nhẫn, khiêm tốn, liêm khiết.
<b>Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp</b>	
CĐR 17	Trở thành những Kế toán viên (Kế toán vốn bằng tiền, kế toán hàng tồn kho, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương, kế toán giá thành, kế toán doanh thu, kế toán bán hàng, kế toán thanh toán, kế toán thuế, kế toán tổng hợp,...); Nhân viên quản lý kho, thủ quỹ, thu ngân; Nhân viên thống kê; Kế hoạch – Tài vụ; Nhân viên cung cấp dịch vụ về kế toán, tài chính, thuế,... trong các đơn vị sự nghiệp và các loại hình doanh nghiệp đa dạng của nền kinh tế.
CĐR 18	Tự thành lập và tổ chức chỉ đạo, quản lý, điều hành hoạt động về kinh tế, tài chính, kế toán của các loại hình doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp.
<b>Khả năng phát triển và nâng cao trình độ</b>	
CĐR 19	Có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao chuyên môn nghiệp vụ; Có khả năng tiếp tục học liên thông ở ngành gần hoặc ở bậc học cao hơn

### 3. Ma trận các học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																		
Mã HP	Học phần	Kiến thức								Kỹ năng						Thái độ		Vị trí việc làm sau tốt nghiệp		KN HT NCTĐ
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	C Đ R 13	C Đ R 14	CĐ R 15	CĐ R 16	CĐ R 17	CĐ R 18	CĐ R 19
<b>A. Kiến thức giáo dục đại cương</b>																				
<b>I. Lý luận chính trị</b>																				
LL2.1.001.2	Những NLCB của CN Mác-Lênin 1	2													2	1				2
LL2.1.002.3	Những NLCB của CN Mác-Lênin 2	2													2	1				2
LL2.1.004.3	Đường lối CM của ĐCS VN	2													2	2	1			2
LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2													2	2	1			2
LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2			1	1									2	2	1	1		1
<b>II. Ngoại ngữ</b>																				
NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1					1			2						1	1	1			2
NN2.1.002.2	Tiếng Anh 2					1			2						1	1	1			2
NN2.1.003.2	Tiếng Anh 3					1			2						1	1	1			2
NN2.1.004.3	Tiếng Anh 4					1			2						1	1	1			2
<b>III. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên</b>																				
TN2.1.108.3	Toán cao cấp		2	1	1											1	1			
TN2.1.109.3	Xác suất - Thống kê		2	1	1											1	2			
TN2.1.501.2	Tin học đại cương		2	1	2			2				1				1	2			1

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																		
Mã HP	Học phần	Kiến thức								Kĩ năng						Thái độ		Vị trí việc làm sau tốt nghiệp		KN HT NCTĐ
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	C Đ R 13	C Đ R 14	CĐ R 15	CĐ R 16	CDR 17	CDR 18	CDR 19
<b>IV. Giáo dục thể chất</b>																				
TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1	2																2		
TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)	2																2		
TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)	2																2		
TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	2																2		
TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)	2																2		
TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)	2																2		
TC2.1.007.3	GD thể chất 2 (Điền kinh 1)	2																2		
TC2.1.007.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bơi lội 2)	2																2		
TC2.1.008.2	GD thể chất 3 (Bóng đá 2)	2																2		
TC2.1.009.2	GD thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2																2		
TC2.1.010.2	GDTC 3 (Bóng	2																2		

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																		
Mã HP	Học phần	Kiến thức								Kĩ năng						Thái độ		Vị trí việc làm sau tốt nghiệp		KN HT NCTĐ
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	C Đ R 13	C Đ R 14	CĐ R 15	CĐ R 16	CDR 17	CDR 18	CDR 19
	chuyên 2)																			
TC2.1.011.2	GDTC 3 (Cầu lông 2)	2																2		
TC2.1.012.2	GDTC 3 (Võ thuật 2)	2																2		
TC2.1.013.2	GDTC 3 (Điện kinh 2)	2																2		
TC2.1.013.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bơi lội 3)	2																2		
<b>V. Giáo dục Quốc phòng – An ninh</b>																				
TC2.1.014.3	QDQP – An ninh	2													2	2	2			
TC2.1.015.2	QDQP – An ninh	2													2	1	2			
TC2.1.016.3	QDQP – An ninh	2													2	1	2			
<b>B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>																				
<b>I. Kiến thức cơ sở của khối ngành</b>																				
KT2.1.001.3	Kinh tế vi mô			2	1										1	2	2	1	1	
KT2.1.002.3	Kinh tế vĩ mô			2	1										1	2	2	1	1	
<b>II. Kiến thức cơ sở của ngành</b>																				
KT2.1.003.2	Marketing căn bản			2									2			1	1	2	1	
KT2.1.004.2	Luật và chuẩn mực kế toán			2		1	1			1	2			1			2	2	1	
KT2.1.005.3	Nguyên lý kế toán				2		1	1		1	1						2	1	1	

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																		
Mã HP	Học phần	Kiến thức							Kĩ năng						Thái độ		Vị trí việc làm sau tốt nghiệp		KN HT NCTĐ	
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	C Đ R 13	C Đ R 14	CĐ R 15	CĐ R 16	CDR 17	CDR 18	CDR 19
KT2.1.006.3	Kinh tế lượng			2	1						1	1						2	1	1
KT2.1.007.3	Nguyên lý thông kê				2		1	1		1	1	1						2	1	1
KT2.1.008.3	Tài chính – Tiền tệ			2									2					2	1	1
KT2.1.009.2	Pháp luật kinh tế			2		1				1	2	1						2	2	1
KT2.1.010.2	Hệ thống thông tin kế toán		2		1		1	1				2		1				2	2	1
KT2.1.011.2	Quản trị học				1					1		2	2					1	2	2
TN2.1.112.2	Toán kinh tế		2		1													2	1	1
LL2.1.013.2	Lịch sử các học thuyết kinh tế			1	1								2					1	2	1
XH2.1.055.2	Soạn thảo văn bản		2	1	1		1				1	1						2	2	1
<b>III. Kiến thức cơ sở của ngành chính</b>																				
KT2.1.012.3	Kế toán tài chính 1			1			2	2		2	2	1	1		1			2	2	1
KT2.1.013.4	Kế toán quản trị						2	2		2	1	2	1		1			2	2	1
KT2.1.014.4	Kế toán tài chính 2						2	2		2	2	1	1		1			2	2	1
KT2.1.015.2	Tài chính công				2	1						1		2				2	2	1
KT2.1.016.2	Lý thuyết kiểm toán						1	1		2	1	1			1			2	2	1
NN2.1.015.2	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 1						1		2					2				2	2	1
KT2.1.018.3	Tài chính doanh nghiệp				2		1			1	1	1			1			2	2	1

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																		
Mã HP	Học phần	Kiến thức							Kĩ năng						Thái độ		Vị trí việc làm sau tốt nghiệp		KN HT NCTĐ	
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	C Đ R 13	C Đ R 14	CĐ R 15	CĐ R 16	CDR 17	CDR 18	CDR 19
KT2.1.019.3	Kế toán thuế					2	1	1		2	2	1	1	1	1			2	2	1
KT2.1.020.2	Kinh tế quốc tế												2					2	2	1
KT2.1.021.2	Thị trường chứng khoán					1	1						2					2	2	1
KT2.1.045.2	Tin học ứng dụng (1TCLT;1TCTH)		2							1			2					2	2	2
KT2.1.022.2	Thuế Nhà nước					2	1				1	2		1				2	2	1
NN2.1.016.2	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán2					1	1		2					2				2	2	1
KT2.1.046.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học						1			1				2			1	2	2	2
<b>IV. Kiến thức chuyên ngành</b>																				
KT2.1.024.3	Kế toán hành chính sự nghiệp			2	2		2	1		2	2	2		1				2	2	1
KT2.1.040.3	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa			1	2		2	1		2	2	2		1				2	2	1
KT2.1.026.3	Kế toán tài chính 3			1	2		2	2		2	2	1		1				2	2	1
KT2.1.027.2	Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ			2	2		1	1		2	1	1		1				2	2	1
KT2.1.028.3	Kiểm toán báo cáo tài chính			1	1		2	2		1	2	2		1				2	2	1



Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																		
Mã HP	Học phần	Kiến thức								Kỹ năng						Thái độ		Vị trí việc làm sau tốt nghiệp		KN HT NCTĐ
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	C Đ R 13	C Đ R 14	CĐ R 15	CĐ R 16	CDR 17	CDR 18	CDR 19
KT2.1.029.3	Phân tích hoạt động kinh doanh			1	1		2	1		1	1	1		2	1			2	2	2
KT2.1.030.3	Kế toán máy		2	1	1					2	1		2					2	2	2
KT2.1.036.3	Thực hành kế toán doanh nghiệp		2	2	2		2	2		2	2	1	1	2	1			2	2	2
KT2.1.037.2	Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp		2	2	2		2	2		2	2	1	1	2	1			2	2	2
KT2.1.031.2	Kế toán công ty			1	1		1	1		2	1	1		2				2	2	1
KT2.1.032.2	Thanh toán quốc tế			1	1									2				2	2	1
KT2.1.033.2	Tổ chức công tác kế toán			1	2		2	1			1	2			2			2	2	1
KT2.1.034.2	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại			1	2							1	1	2				2	2	1
KT2.1.023.2	Định giá tài sản			1	1						1	1	1	2				2	2	1
<b>IV. Thực tập</b>																				
KT2.1.119.4	Thực tập 1 – Thực tập giáo trình			2	2						2		1	2	2			2	2	2
KT2.1.038.4	Thực tập tốt nghiệp			2	2						2		1	2	2			2	2	2
<b>V. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>																				
KT2.1.039.6	Khóa luận tốt nghiệp			2	2						2		1	2	2			2	2	2

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																		
Mã HP	Học phần	Kiến thức								Kĩ năng						Thái độ		Vị trí việc làm sau tốt nghiệp		KN HT NCTĐ
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	C Đ R 13	C Đ R 14	CĐ R 15	CĐ R 16	CDR 17	CDR 18	CDR 19
KT2.1.025.2	Kế toán doanh nghiệp xây lắp			1	1					2	1	1		2	1			2	2	1
KT2.1.041.2	Kế toán ngân hàng thương mại			1	1					2	1			2	1			2	2	1
KT2.1.042.2	Kế toán quốc tế			1	1					1	1			2	1			2	2	1
KT2.1.043.2	Kế toán ngân sách và tài chính xã			1	1					2	1			1	1			2	2	1
KT2.1.044.2	Quản trị tài chính doanh nghiệp			1	1					1	1	1		2	2			2	2	1

\*) **Lưu ý:** Trong ma trận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và ma trận chuẩn đầu ra trong đề cương chi tiết của tất cả các học phần của chương trình đào tạo này được chấm theo thang điểm như sau:

*Đề trống (0) – Không đóng góp*

*1 – Có đóng góp*

*2 – Đóng góp nhiều*

#### 4. Thời gian đào tạo: 4 năm

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng).

- Kiến thức giáo dục đại cương: 30 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 100 tín chỉ
- + Kiến thức cơ sở của khối ngành: 6 tín chỉ
- + Kiến thức cơ sở của ngành: 23 tín chỉ
- + Kiến thức cơ sở của ngành chính: 27 tín chỉ
- + Kiến thức chuyên ngành: 26 tín chỉ
- + Thực tập: 14 tín chỉ

#### 6. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và tương đương, có đủ sức khỏe để học tập và làm đầy đủ các thủ tục dự thi theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### 7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

##### 7.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường, 1 học kỳ thực hành nghề nghiệp tại phòng kế toán ảo của trường và thực tập tốt nghiệp tại cơ sở thực tế. Cuối khóa, sinh viên viết khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phân thay thế khóa luận tốt nghiệp.

Sinh viên được đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào ban hành quy định đào tạo hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ.

##### 7.2. Công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội tụ đủ các tiêu chuẩn theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào ban hành quy định đào tạo hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ.

#### 8. Thang điểm

- Thực hiện theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào ban hành về quy định đào tạo hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ.

#### 9. Nội dung chương trình

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn
9.1.		Kiến thức giáo dục đại cương	30	248	20 2			

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn
<b>9.1.1. Lí luận Chính trị</b>			<b>12</b>	<b>119</b>	<b>61</b>			
1	LL2.1.001.2	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	21	9		×	
2	LL2.1.002.3	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	31	14		×	
3	LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	9		×	
4	LL2.1.004.3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	31	14		×	
5	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	15	15		×	
<b>9.1.2. Ngoại ngữ</b>			<b>10</b>	<b>70</b>	<b>80</b>			
6	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	21	24		×	
7	NN2.1.002.2	Tiếng Anh 2	2	14	16		×	
8	NN2.1.003.2	Tiếng Anh 3	2	14	16		×	
9	NN2.1.004.3	Tiếng Anh 4	3	21	24		×	
<b>9.1.3. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên</b>			<b>8</b>	<b>59</b>	<b>61</b>			
10	TN2.1.108.3	Toán cao cấp	3	22	23		×	
11	TN2.1.109.3	Xác suất - Thống kê	3	22	23		×	
12	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	15	15		×	
<b>9.1.4. Giáo dục Thể chất - GD Quốc phòng</b>			<b>15</b>					
13	TC2.1.017.2	Giáo dục Thể chất 1 Bơi lội	02				×	
14	TC2.1.002.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1)	03					×
15	TC2.1.003.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	03					×
16	TC2.1.004.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chày 1)	03					×
17	TC2.1.005.3	Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1)	03					×
18	TC2.1.006.3	Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1)	03					×
19	TC2.1.007.3	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1)	03					×
20	TC2.1.007.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bơi lội 2)	03					×
21	TC2.1.008.2	Giáo dục Thể chất 3	02					×

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn
		<i>(Bóng đá 2)</i>						
22	TC2.1.009.2	Giáo dục Thể chất 3 <i>(Bóng bàn 2)</i>	02					×
23	TC2.1.010.2	Giáo dục Thể chất 3 <i>(Bóng chuyền 2)</i>	02					×
24	TC2.1.011.2	Giáo dục Thể chất 3 <i>(Cầu lông 2)</i>	02					×
25	TC2.1.012.2	Giáo dục Thể chất 3 <i>(Võ thuật 2)</i>	02					×
26	TC2.1.013.2	Giáo dục Thể chất 3 <i>(Điền kinh 2)</i>	02					×
27	TC2.1.013.2	Giáo dục Thể chất 3 <i>(Bơi lội 3)</i>	02					×
28	TC2.1.014.3	QDQP – An ninh 1	03				×	
29	TC2.1.015.2	QDQP – An ninh 2	02				×	
30	TC2.1.016.3	QDQP – An ninh 3	03				×	
<b>9.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>100</b>	<b>749</b>	<b>54 1</b>	<b>1.08 0</b>		
<b>9.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành</b>			<b>6</b>	<b>60</b>	<b>30</b>			
31	KT2.1.001.3	Kinh tế vi mô	3	30	15		×	
32	KT2.1.002.3	Kinh tế vĩ mô	3	30	15		×	
<b>9.2.2. Kiến thức cơ sở của ngành</b>			<b>22</b>	<b>195</b>	<b>13 5</b>			
33	KT2.1.003.2	Marketing căn bản	2	15	15		×	
34	KT2.1.004.2	Luật và chuẩn mực kế toán	2	15	15		×	
35	KT2.1.005.3	Nguyên lý kế toán	3	30	15		×	
36	KT2.1.006.3	Kinh tế lượng	3	30	15		×	
37	KT2.1.007.3	Nguyên lý thống kê	3	30	15		×	
38	KT2.1.008.3	Tài chính – Tiền tệ	3	30	15		×	
39	KT2.1.009.2	Pháp luật kinh tế	2	15	15		×	
40	KT2.1.010.2	Hệ thống thông tin kế toán	2	15	15			×
41	KT2.1.011.2	Quản trị học	2	15	15			×
42	TN2.1.112.2	Toán kinh tế	2	15	15			×
43	LL2.1.013.2	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	15	15			×
44	XH2.1.055.2	Soạn thảo văn bản	2	15	15			×
<b>9.2.3. Kiến thức cơ sở của ngành chính</b>			<b>29</b>	<b>239</b>	<b>15 1</b>	<b>30</b>		

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn
45	KT2.1.012.3	Kế toán tài chính 1	3	30	15		×	
46	KT2.1.013.4	Kế toán quản trị	4	30	30		×	
47	KT2.1.014.4	Kế toán tài chính 2	4	30	30		×	
48	KT2.1.015.2	Tài chính công	2	15	15		×	
49	KT2.1.016.2	Lý thuyết kiểm toán	2	15	15		×	
50	NN2.1.015.2	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 1	2	14	16		×	
51	KT2.1.018.3	Tài chính doanh nghiệp	3	30	15		×	
52	KT2.1.019.3	Kế toán thuế	3	30	15		×	
53	KT2.1.020.2	Kinh tế quốc tế	2	15	15			×
54	KT2.1.021.2	Thị trường chứng khoán	2	15	15			×
55	KT2.1.045.2	Tin học ứng dụng (1TCLT;1TCTH)	2	15		30		×
56	KT2.1.022.2	Thuế Nhà nước	2	15	15			×
57	NN2.1.016.2	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán2	2	14	16			×
58	KT2.1.046.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	15	15			×
<b>9.2.4. Kiến thức chuyên ngành</b>			<b>29</b>	<b>210</b>	<b>135</b>	<b>210</b>		
59	KT2.1.024.3	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	30	15		×	
60	KT2.1.040.3	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	3	30	15		×	
61	KT2.1.026.3	Kế toán tài chính 3	3	30	15		×	
62	KT2.1.027.2	Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ	2	15	15		×	
63	KT2.1.028.3	Kiểm toán báo cáo tài chính	3	30	15		×	
64	KT2.1.029.3	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	30	15		×	
65	KT2.1.030.3	Kế toán máy (1TCLT;2TCTH)	3	15		60	×	
66	KT2.1.036.3	Thực hành kế toán doanh nghiệp (1 TC = 30 giờ)	3			90	×	
67	KT2.1.037.2	Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp (1 TC = 30 giờ)	2			60	×	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn
68	KT2.1.031.2	Kế toán công ty	2	15	15			×
69	KT2.1.032.2	Thanh toán quốc tế	2	15	15			×
70	KT2.1.033.2	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	2	15	15			×
71	KT2.1.034.2	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2	15	15			×
72	KT2.1.023.2	Định giá tài sản	2	15	15			×
<b>9.2.5. Thực tập 1</b>			<b>4</b>			<b>240</b>		
73	KT2.1.119.4	Thực tập giáo trình (1 TC = 60 giờ)	4			240	x	
<b>9.2.6. Thực tập 2: Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế khóa luận)</b>			<b>10</b>	<b>45</b>	<b>45</b>	<b>600</b>		
74	KT2.1.038.4	Thực tập tốt nghiệp (1TC = 60 giờ)	4			240	×	
75	KT2.1.039.6	Khóa luận tốt nghiệp (1TC = 60 giờ)	6			360	×	
<b>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>6</b>	<b>45</b>	<b>45</b>			
76	KT2.1.025.2	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	2	15	15			×
77	KT2.1.041.2	Kế toán ngân hàng thương mại	2	15	15			×
78	KT2.1.042.2	Kế toán quốc tế	2	15	15			×
79	KT2.1.043.2	Kế toán ngân sách và tài chính xã	2	15	15			×
80	KT2.1.044.2	Quản trị tài chính doanh nghiệp	2	15	15			×
<b>Tổng cộng</b>			<b>130</b>	<b>997</b>	<b>74 3</b>	<b>1.08 0</b>	<b>116</b>	<b>14</b>

**Ghi chú:**

- Chương trình đào tạo có tổng khối lượng kiến thức là 130 tín chỉ (Không kể giáo dục thể chất và giáo dục Quốc phòng)
- Kiến thức cơ sở **ngành**: Số tín chỉ tự chọn 04 (02 học phần)
- Kiến thức cơ sở của **ngành chính**: Số tín chỉ tự chọn 04 (02 học phần)
- Kiến thức **chuyên ngành** Kế toán tổng hợp: Số tín chỉ tự chọn 06 (03 học phần)

### 10. Kế hoạch giảng dạy

STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện		Tổng g TC	Số TC trong học kì								
			Tiên quyết	Song hành		HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	
1	LL2.1.001.2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1			2	2								
2	TN2.1.108.3	Toán cao cấp			3	3								
3	KT2.1.001.3	Kinh tế vi mô	TN2.1.108.3		3	3								
4	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1			3	3								
5	TC2.1.017.2	Giáo dục thể chất 1- Bơi lội			2	2								
6	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1			3	3								
7	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2			2	2								
8	TC2.1.016.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3			3	3								
9	KT2.1.004.2	Luật và chuẩn mực kế toán			2	2								
10	TN2.1.501.2	Tin học đại cương			2	2								
11	LL2.1.002.3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin 2	LL3.1.001.2		3		3							
12	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương			2		2							
13	TN2.1.109.3	Xác suất - Thống kê	TN2.1.108.3		3		3							
14	NN2.1.002.2	Tiếng Anh 2	NN2.1.001.3		2		2							
15	KT2.1.005.3	Nguyên lý kế toán			3		3							
16	KT2.1.008.3	Tài chính - tiền tệ			3		3							
17	TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)			3		3							
18	TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)			3		3							
19	TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)			3		3							



STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện		Tổng TC	Số TC trong học kỳ							
			Tiên quyết	Song hành		HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
20	TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)			3		3						
21	TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)			3		3						
22	TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)			3		3						
23	TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 2)											
24	<b>Tự chọn kiến thức cơ sở ngành (04TC)</b>				<b>4</b>		<b>2</b>	<b>2</b>					
25	KT2.1.010.2	Hệ thống thông tin kế toán			2								
26	KT2.1.011.2	Quản trị học			2		2						
27	TN2.1.112.2	Toán kinh tế			2								
28	LL2.1.013.2	Lịch sử các học thuyết kinh tế			2								
29	XH2.1.055.2	Soạn thảo văn bản			2								
30	KT2.1.003.2	Marketing căn bản	KT2.1.001.3		2			2					
31	KT2.1.018.3	Tài chính doanh nghiệp	KT2.1.008.3		3			3					
32	LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LL2.1.002.3		2			2					
33	KT2.1.012.3	Kế toán tài chính 1	KT2.1.005.3		3			3					
34	NN2.1.003.2	Tiếng Anh 3	NN2.1.002.2		2			2					
35	TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)			2			2					
36	TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)			2			2					
37	TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)			2			2					

STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện		Tổng TC	Số TC trong học kì							
			Tiên quyết	Song hành		HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
38	TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)			2			2					
39	TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)			2			2					
40	TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)			2			2					
41	TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 3)			2			2					
42	TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Thể dục nhảy dây)			2			2					
*	<b>Học phần tự chọn ngành chính (04 TC)</b>				<b>4</b>			<b>2</b>	<b>2</b>				
43	KT2.1.020.2	Kinh tế quốc tế			2								
44	KT2.1.021.2	Thị trường chứng khoán			2								
45	KT2.1.045.2	Tin học ứng dụng(1TCLT;1TCTH)			2								
46	KT2.1.022.2	Thuế Nhà nước			2								
47	NN2.1.016.2	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 2			2								
48	KT2.1.046.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học			2								
49	NN2.1.004.3	Tiếng Anh 4	NN2.1.003.2		3			3					
50	KT2.1.009.2	Pháp luật kinh tế	LL2.1.007.2		2			2					
51	LL2.1.004.3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	LL2.1.003.2		3			3					
52	KT2.1.007.3	Nguyên lý thống kê	TN2.1.108.3		3			3					
53	KT2.1.014.4	Kế toán tài chính 2	KT2.1.012.3		4			4					
54	KT2.1.013.4	Kế toán quản trị	KT2.1.005.3		4					4			

STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện		Tổng TC	Số TC trong học kỳ							
			Tiên quyết	Song hành		HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
55	KT2.1.002.3	Kinh tế vĩ mô			3					3			
56	KT2.1.015.2	Tài chính công	KT2.1.008.3		2					2			
57	KT2.1.027.2	Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ	KT2.1.005.3		2					2			
58	NN2.1.015.2	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 1	NN2.1.003.2		2					2			
59	KT2.1.026.3	Kế toán tài chính 3	KT2.1.014.3		3					3			
60	KT2.1.040.3	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	KT2.1.005.3		3						3		
61	KT2.1.024.3	Kế toán hành chính sự nghiệp	KT2.1.005.3		3						3		
62	KT2.1.016.2	Lý thuyết kiểm toán	KT2.1.005.3		2						2		
63	KT2.1.019.3	Kế toán thuế	KT2.1.005.3; KT2.1.022.2		3						3		
64	KT2.1.119.4	Thực tập 1: Thực tập giáo trình	KT2.1.012.3; KT2.1.013.3		4						4		
*	<b>Học phần tự chọn chuyên ngành (06 TC)</b>				<b>6</b>						<b>2</b>	<b>4</b>	
65	KT2.1.031.2	Kế toán công ty											
66	KT2.1.032.2	Thanh toán quốc tế											
67	KT2.1.033.2	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp											
68	KT2.1.034.2	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại											
69	KT2.1.023.2	Định giá tài sản											
70	KT2.1.027.2	Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ											
71	KT2.1.006.3	Kinh tế lượng	KT2.1.109.3		3							3	
72	KT2.1.028.3	Kiểm toán báo cáo tài chính	KT2.1.016.3;		3							3	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện		Tổng g TC	Số TC trong học kì							
			Tiên quyết	Song hành		HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
			KT2.1.026.3										
73	KT2.1.029.3	Phân tích hoạt động kinh doanh	KT2.1.008.3; KT2.1.026.3		3							3	
74	KT2.1.030.3	Kế toán máy	KT2.1.026.3		3							3	
*	<b>Thực hành nghề nghiệp</b>				<b>5</b>								<b>5</b>
75	KT2.1.036.3	Thực hành kế toán doanh nghiệp	KT2.1.026.3		3								3
76	KT2.1.037.2	Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp	KT2.1.024.3		2								2
77	<b>Thực tập 2</b>												
78	KT2.1.038.4	Thực tập tốt nghiệp			4								4
79	KT2.1.039.6	Khóa luận tốt nghiệp; hoặc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6								6
*	<b>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (06 TC)</b>				<b>6</b>								<b>6</b>
80	KT2.1.025.2	Kế toán doanh nghiệp xây lắp			2								
81	KT2.1.041.2	Kế toán ngân hàng thương mại			2								
82	KT2.1.042.2	Kế toán quốc tế			2								
83	KT2.1.043.2	Kế toán ngân sách và tài chính xã			2								
84	KT2.1.044.2	Quản trị tài chính doanh nghiệp			2								
	<b>Tổng cộng</b>				<b>130</b>	<b>15</b>	<b>18</b>	<b>16</b>	<b>17</b>	<b>16</b>	<b>17</b>	<b>16</b>	<b>15</b>

**Ghi chú:** Các học phần viết chữ "**Nghiêng**" là học phần tự chọn.

## **11. Mô tả học phần**

### **11.1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 1, 2 (5 TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Nội dung học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin được thực hiện theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần cung cấp những nội dung cơ bản trong hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về các vấn đề: Thế giới quan và phương pháp luận triết học; học thuyết kinh tế về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; chủ nghĩa xã hội.

### **11.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 TC)**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2

Nội dung học phần Tư Tưởng Hồ Chí Minh Theo hướng dẫn Quyết định 52/2008/QĐ-BGDĐT về chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Học phần cung cấp những kiến thức có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh; tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin; người học có những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

### **11.3. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Tư tưởng Hồ Chí Minh

Nội dung học phần Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng từ khi thành lập Đảng đến nay, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới.

### **11.4. Tiếng Anh 1 (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên (SV) những kiến thức cơ bản của tiếng Anh về các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; SV được rèn luyện, hình thành các kĩ năng ngôn ngữ - nghe, nói, đọc, viết, có thể trao đổi thông tin, hiểu được thông tin về cá nhân, gia đình, các hoạt động hàng ngày, sở thích, sự việc trong quá khứ, kế hoạch tương lai, ....

Kết thúc học phần, SV có trình độ tiếng Anh tương đương Bậc A1

### **11.5. Tiếng Anh 2 (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Tiếng Anh 1

Học phần tiếp tục cung cấp cho SV những kiến thức của tiếng Anh ở các bình diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kĩ năng ngôn ngữ- nghe, nói, đọc, viết, có thể trao đổi thông tin, hiểu được thông tin về sở thích cá nhân, sự nghiệp, công việc, nghề nghiệp, trải nghiệm trong cuộc sống...

Kết thúc học phần, SV có trình độ tiếng Anh tương đương đầu Bậc A2.

### **11.6. Tiếng Anh 3 (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Tiếng Anh 2

Học phần tiếp tục cung cấp cho SV những kiến thức nâng cao của tiếng Anh về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kĩ năng ngôn ngữ- nghe, nói, đọc, viết, có thể trao đổi, hiểu được thông tin về các sự kiện trong cuộc sống, đánh giá, nhận xét, trình bày quan điểm về các vấn đề xã hội, lịch sử, văn hóa, ...

Kết thúc học phần, SV có trình độ tiếng Anh tương đương Bậc A2.

#### **11.7. Tiếng Anh 4 (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Tiếng Anh 3

Học phần tiếp tục cung cấp cho người học những kiến thức nâng cao của Tiếng Anh về các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; rèn luyện và hình thành các kĩ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết như:

- Hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu ngắn; Có thể viết đoạn văn, thư mời hoặc trả lời email (khoảng 90 đến 110 từ) về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí,... mà người học quan tâm; Có thể giao tiếp được về các chủ đề quen thuộc hàng ngày như: gia đình, sở thích, công việc, du lịch và các sự kiện đang diễn ra hoặc xảy ra trong quá khứ.

- Kết nối đơn giản các nhóm từ để thuật lại một câu chuyện, sự kiện, mơ ước và hy vọng. Có thể đưa ra lý do và giải thích về quan điểm, kế hoạch của mình. Có thể kể lại câu chuyện đơn giản về một nhân vật nổi tiếng và bày tỏ suy nghĩ của mình.

#### **11.8. Toán cao cấp (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về:Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, hàm số nhiều biến số, phép tính tích phân của hàm số một biến số, tích phân kép, phương trình vi phân và chuỗi số

#### **11.9. Xác suất - Thống kê (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Toán cao cấp

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về: Đại số tổ hợp, phép thử và biến cố, các định nghĩa và công thức của xác suất, biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, lí thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết, hồi quy và tương quan.

#### **11.10. Tin học đại cương (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tin học như: Hệ thống máy tính, các khái niệm cơ bản về máy tính, thông tin, dữ liệu,... Khai thác một số phần mềm ứng dụng như: Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft Power Point và hướng dẫn các thao tác về Internet, Email, ...

#### **11.11. Pháp luật đại cương (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam làm nền tảng cho việc học tập, thực hiện pháp luật, là cơ sở để sinh viên tiếp tục nghiên cứu học phần Pháp luật kinh tế.

#### **11.12. Giáo dục thể chất (7TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lí luận và phương pháp giáo dục thể chất; một số kiến thức cơ bản về Y - Sinh học Thể dục, thể thao; chạy cự li ngắn; cự li trung bình; những động tác, kỹ thuật cơ bản của môn thể thao

(Bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, võ thuật, bơi lội), đặc điểm, ý nghĩa tác dụng của GDTC đối với người tập luyện; hiểu được một số điều luật cơ bản, chiến thuật đơn giản trong các môn thể thao, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài ... Nhằm phát triển con người toàn diện ( Đức – Trí – Thể - Mỹ );

### **11.13. Giáo dục quốc phòng-An ninh (8TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố Quốc phòng - An ninh; nghệ thuật quân sự Việt Nam; những kiến thức cơ bản về phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", "Bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam. Luyện tập cho người học những kiến thức cơ bản về đội ngũ đơn vị và 3 môn quân sự phối hợp; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; từng người trong chiến đấu tấn công và phòng ngự; kĩ thuật bắn súng tiểu liên AK.

### **11.14. Kinh tế vi mô (3TC)**

Điều kiện song hành: HP - Toán cao cấp

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản của kinh tế vi mô như: cầu, cung, độc quyền, cạnh tranh và tối ưu hóa; tính quy luật, xu hướng vận động của kinh tế vi mô, lý thuyết sản xuất và thị trường sản phẩm, những khuyết tật của kinh tế thị trường. Nghiên cứu những kiến thức kinh tế cơ sở về hành vi của các cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ trong một nền kinh tế thị trường. Trên cơ sở đó, để tính toán và phân tích một số mô hình kinh tế cơ bản, giúp cho việc đánh giá, lựa chọn được phương án kinh doanh tối ưu.

### **11.15. Kinh tế vĩ mô (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Tài chính – Tiền tệ

Học phần hệ thống những nội dung cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm các chính sách và nguyên lý vận hành nền kinh tế; vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền Kinh tế quốc dân như: hoạch định chiến lược kinh tế, xây dựng các chế độ, chính sách kinh tế, tài chính của Nhà nước; đo lường các biến số kinh tế vĩ mô.

### **11.16. Marketing căn bản (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Kinh tế vi mô

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Marketing, vai trò, chức năng của thị trường; phương pháp nghiên cứu (các quy luật kinh tế thị trường, tính quy luật nhu cầu thị trường); phân tích thị trường; hành vi mua hàng và nhu cầu của người tiêu dùng; xây dựng các chính sách sản phẩm, giá cả, phân phối, xúc tiến, yểm trợ nhằm đạt được hiệu quả tối ưu trong kinh doanh.

### **11.17. Luật và chuẩn mực kế toán (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nghiên cứu các kiến thức tổng quan về hệ thống các văn bản pháp quy về kế toán (luật điều chỉnh nội dung của công tác kế toán, luật về tổ chức bộ máy

kế toán và người làm kế toán), khái quát về chuẩn mực kế toán, quản lý nhà nước về kế toán và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về kế toán.

#### **11.18. Nguyên lý kế toán (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Luật và chuẩn mực kế toán

Học phần trang bị cho người học những nguyên lý chung về kế toán như: Bản chất, đối tượng và các phương pháp hạch toán kế toán. Trên cơ sở đó tập trung đi sâu nghiên cứu những nội dung cơ bản của từng phương pháp kế toán (chứng từ, tài khoản, tính giá và tổng hợp – cân đối kế toán), vận dụng vào việc hạch toán các quá trình kinh tế chủ yếu của đơn vị kế toán; sổ kế toán và các hình thức kế toán; báo cáo kế toán, giúp người học có cái nhìn tổng quan ban đầu về công việc của kế toán và học tập các học phần kế toán chuyên ngành.

#### **11.19. Kinh tế lượng (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Xác suất – Thống kê

Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh hồi quy một phương trình, cách phân tích đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình, cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

#### **11.20. Nguyên lý thống kê (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Toán cao cấp

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học thống kê: Mặt lượng, liên hệ mật thiết với mặt chất của các hiện tượng kinh tế - xã hội số lớn, gắn liền với các điều kiện về không gian và thời gian cụ thể. Đồng thời, tập trung nghiên cứu các quá trình điều tra; tổng hợp số liệu thống kê và các phương pháp phân tích thống kê chủ yếu.

#### **11.21. Tài chính- Tiền tệ (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức tổng quan về hệ thống tài chính - tiền tệ như: Bản chất, chức năng, chính sách, cấu trúc hệ thống tài chính; xác định các chỉ tiêu kinh tế - tài chính cơ bản trong nền kinh tế thị trường và một số vấn đề xoay quanh các tổ chức tín dụng trung gian.

#### **11.19. Pháp luật kinh tế (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Pháp luật đại cương

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về những quy định pháp luật của Việt Nam, tập trung đi sâu nghiên cứu một số ngành luật trong hệ thống pháp luật liên quan đến hoạt động kinh tế - tài chính; các quy định về hợp đồng kinh tế; giải quyết các tranh chấp, phá sản trong các loại hình doanh nghiệp; đơn vị hành chính sự nghiệp và các tổ chức kinh tế khác.

#### **11.20. Hệ thống thông tin kế toán (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức căn bản về các khái niệm và các cách thức tổ chức, xử lý, đánh giá và kiểm soát hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện tin học hóa, đồng thời giới thiệu về các chu trình kinh doanh của một doanh nghiệp. Từ đó là cơ sở để có thể tiếp cận được công tác kế toán trong thực tế của doanh nghiệp.

#### **11.21. Quản trị học (2TC)**



Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động quản trị trong các tổ chức và doanh nghiệp, tập trung nghiên cứu, phân tích các vấn đề như: Khái niệm, kỹ năng, nguyên tắc, quyết định và các chức năng quản trị (hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm tra), trên cơ sở đó đi sâu vào quản trị sản xuất tác nghiệp; quản trị nguồn nhân lực, quyết định và xây dựng chiến lược trong kinh doanh.

### **11.22. Toán kinh tế (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Toán cao cấp

Học phần Toán kinh tế đề cập đến việc ứng dụng các công cụ toán học nhằm mô hình hóa và phân tích định lượng các hiện tượng và quá trình diễn ra trong các hoạt động kinh tế. Học phần giới thiệu mô hình toán kinh tế, phân tích so sánh; các mô hình cân bằng và mô hình tối ưu. Vận dụng các thuật toán kinh tế tối ưu cơ bản để giải quyết các vấn đề kinh tế nảy sinh trong sản xuất, tiêu dùng và lưu thông hàng hóa.

### **11.23. Lịch sử các học thuyết kinh tế (2 TC)**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1;2

Học phần trang bị một cách có hệ thống những nội dung cơ bản về lịch sử các học thuyết kinh tế, nhằm đáp ứng yêu cầu tìm hiểu về lịch sử phát triển của khoa học kinh tế cho sinh viên, giới thiệu những quan điểm tư tưởng và học thuyết kinh tế cơ bản qua các thời đại lịch sử, ý nghĩa của từng học thuyết trong xây dựng và phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam.

### **11.24. Soạn thảo văn bản (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về văn bản và hệ thống văn bản quản lý hành chính nhà nước nói riêng; những yêu cầu về nội dung và thể thức của văn bản; quy trình xây dựng và ban hành văn bản; soạn thảo văn bản hành chính cá biệt; văn bản hành chính thông thường góp phần nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản cho người học, nhằm đáp ứng yêu cầu trong hoạt động thực tế sau này.

### **11.25. Kế toán tài chính 1 (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Nguyên lý kế toán

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng chuyên môn về trình tự, nội dung, nguyên tắc và phương pháp hạch toán kế toán của một số phần hành kế toán kế toán tài chính trong doanh nghiệp như: Kế toán vốn bằng tiền; đầu tư ngắn hạn; các khoản phải thu và ứng trước; Kế toán các loại vật tư; tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn.

### **11.26. Kế toán quản trị (4TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Nguyên lý kế toán

Học phần trang bị cho người học về hoạt động nội bộ của doanh nghiệp; mối quan hệ giữa kế toán chi phí với kế toán tài chính, kế toán quản trị. Trên cơ sở đó tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản như: Xác định chi phí sản xuất kinh doanh; giá thành sản phẩm và thực hiện chức năng kiểm soát, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch về doanh thu, chi phí, lợi nhuận; lựa chọn thông tin thích hợp cho các quyết định đầu tư; lập dự toán sản xuất, kinh doanh... nhằm phục vụ cho việc điều hành, kiểm tra và ra các quyết định về kinh tế có hiệu lực.

### **11.27. Kế toán tài chính 2 (4TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Kế toán tài chính 1

Học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu và kỹ năng hạch toán của một số phần hành kế toán tài chính trong doanh nghiệp: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

### **11.28. Tài chính công (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Tài chính – Tiền tệ

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về quản lý tài chính Nhà nước như: Khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò và thu, chi tài chính Nhà nước; phương pháp xây dựng dự toán; tổ chức chấp hành và thanh, quyết toán NSNN theo Luật ngân sách.

### **11.29. Lý thuyết kiểm toán (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những nội dung kiến thức cơ sở về hoạt động kiểm toán: Bản chất và chức năng của kiểm toán; Đối tượng, một số khái niệm trong kiểm toán; Phương pháp kiểm toán; Trình tự kiểm toán; Tổ chức bộ máy kiểm toán. Từ đó giúp sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức để thực hiện một số công việc cơ bản hoặc tham gia một phần công việc của một cuộc kiểm toán.

### **11.30. Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 1 (2 TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Tiếng Anh 4

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về tiếng Anh chuyên ngành kế toán, cung cấp vốn từ tiếng Anh cơ bản về chuyên ngành kế toán, một số thuật ngữ trong báo cáo tài chính và kế toán thuế.

### **11.31. Tài chính doanh nghiệp (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Tài chính – Tiền tệ

Học phần trang bị cho người học một cách có hệ thống các nội dung cơ bản về tài chính doanh nghiệp: Khái niệm, đặc điểm, vai trò của tài chính doanh nghiệp; nghiên cứu chi tiết về quản lý, sử dụng, cơ cấu nguồn vốn và dự toán nhu cầu vốn kinh doanh; chi phí sản xuất kinh doanh; giá thành sản phẩm; doanh thu, lợi nhuận và các quyết định đầu tư dài hạn của doanh nghiệp.

### **11.32. Kế toán thuế (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Thuế nhà nước; Nguyên lý kế toán

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán các loại sắc thuế hiện hành, bao gồm: Nội dung, nguyên tắc và các phương pháp kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp từng loại thuế và lập một số báo cáo thuế chủ yếu theo luật định.

### **11.33. Kinh tế quốc tế (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giới thiệu tổng quan xu hướng phát triển kinh tế thế giới, thương mại quốc tế; các quan điểm cơ bản của Việt Nam về phát triển kinh tế đối ngoại. Đồng thời, đi sâu nghiên cứu những kiến thức cơ bản về thị trường ngoại hối, tỷ giá hối đoái, nội dung của hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế và cách thức ghi sổ trong cán cân thanh toán.

### **11.34. Thị trường chứng khoán (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu các kiến thức cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán: Cơ chế vận hành, nội dung cơ bản về chứng khoán, thị trường chứng khoán sơ cấp và thứ cấp; các công cụ để phân tích và định giá trái phiếu, cổ phiếu và các chỉ số chứng khoán liên quan, từ đó hình thành cơ sở để ra quyết định đầu tư chứng khoán.

### **11.35. Tin học ứng dụng (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP- Tin học đại cương

Học phần trang bị cho người học những kiến thức tin học được ứng dụng trong hoạt động kinh tế, tài chính, kế toán; chủ yếu sử dụng các hàm Excel để tính toán một số chỉ tiêu kinh tế, kế toán cơ bản; hướng dẫn lập sổ và báo cáo kế toán trên Excel để hoàn thiện quy trình kế toán trong đơn vị theo chế độ kế toán hiện hành.

### **11.36. Thuế Nhà nước (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức chuyên môn về thuế Nhà nước: Lý luận về thuế; hệ thống thuế Việt Nam; khái niệm, đặc điểm cơ bản, phương pháp tính từng loại thuế, các thủ tục đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán từng sắc thuế; công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về thuế theo từng luật thuế.

### **11.37. Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 2 (2 TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 1

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về tiếng Anh chuyên ngành kế toán, cung cấp vốn từ tiếng Anh cơ bản về chuyên ngành kế toán, một số thuật ngữ kiểm toán, kế toán quản trị và đầu tư.

### **11.38. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Trang bị cho sinh những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học (Những vấn đề chung về khoa học và nghiên cứu khoa học, Bản chất logic của nghiên cứu khoa học, Phương pháp thu thập và xử lý thông tin và Tiến trình thực hiện đề tài).

### **11.39. Kế toán hành chính sự nghiệp (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Nguyên lý kế toán

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành về kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp: Quản lý và kiểm soát nguồn kinh phí, tình hình sử dụng, chấp hành dự toán thu, chi, thực hiện các tiêu chuẩn, định mức thu, chi tại các đơn vị và thanh, quyết toán kinh phí, theo quy trình của công việc kế toán: Lập chứng từ, xử lý các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, ghi sổ kế toán và lập các báo cáo kế toán.

### **11.40. Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Nguyên lý kế toán; Kế toán tài chính 3

Học phần đi sâu vào nội dung, nguyên tắc và phương pháp hạch toán kế toán theo từng phần hành kế toán áp dụng cho loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa: Lập chứng từ; ghi sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết và lập báo cáo kế toán theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

### **11.41. Kế toán tài chính 3 (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Kế toán tài chính 2

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Kế toán các khoản nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu; Đặc điểm kế toán chi phí, doanh thu và

xác định kết quả kinh doanh của loại hình doanh nghiệp xây lắp; thương mại, dịch vụ và lập các báo cáo tài chính doanh nghiệp.

#### **11.42. Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ (2 TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về: đặc điểm hoạt động, nội dung tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ, nguyên tắc và phương pháp kế toán nghiệp vụ: Mua - Bán hàng hóa trong nước, các nghiệp vụ kinh doanh xuất - nhập khẩu, hoạt động kinh doanh dịch vụ, xác định kết quả và phân phối kết quả kinh doanh.

#### **11.43. Kiểm toán báo cáo tài chính (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Lý thuyết kiểm toán; Kế toán tài chính 3

Học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên môn về kiểm toán Báo cáo tài chính, kiểm toán các chu trình và các khoản mục chủ yếu của doanh nghiệp như: Kiểm toán tiền, chu kỳ bán hàng - thu tiền; Kiểm toán chu kỳ mua hàng và thanh toán; Hàng tồn kho; Tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn; Kiểm toán chu kỳ tiền lương và nhân sự; Chi phí và giá thành; Kiểm toán các thông tin khác trên báo cáo tài chính (báo cáo kế toán). Thủ tục và phương pháp lập báo cáo kiểm toán và thư quản lý cho cuộc kiểm toán.

#### **11.44. Phân tích hoạt động kinh doanh (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Tài chính - Tiền tệ; Kế toán tài chính 3

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp, kỹ năng phân tích, đánh giá tình hình và kết quả hoạt động tài chính, sản xuất kinh doanh, tiêu thụ của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường; các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó chỉ ra các nguyên nhân và đề xuất các biện pháp quản lý, sử dụng có hiệu quả tài sản, vật tư, tiền vốn của đơn vị.

#### **11.45. Kế toán máy (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Kế toán tài chính 3

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán tài chính doanh nghiệp trên máy vi tính; tổ chức công tác kế toán khi áp dụng phần mềm kế toán; thực hành các thao tác khai thác toàn bộ quy trình hạch toán trên phần mềm kế toán chuyên dụng.

#### **11.46. Kế toán công ty (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Nguyên lý kế toán

Học phần nghiên cứu những kiến thức cơ bản về các quy trình nghiệp vụ: Thành lập, biến động vốn góp, phân phối lợi nhuận, phát hành và thanh toán trái phiếu trong các loại hình công ty trên cơ sở kết hợp chế độ kế toán hiện hành với các quy định pháp lý hiện hành; giải thể và tổ chức lại công ty và lập báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **11.47. Thanh toán quốc tế (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương; các điều kiện thanh toán quốc tế, các thủ tục hải quan, các phương tiện, phương thức thanh toán quốc tế phù hợp theo quy định của pháp luật.

#### **11.48. Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Kế toán tài chính 3

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức tổng quan về việc tổ chức sử dụng các phương pháp chuyên môn của hạch toán kế toán, để thực hiện quy trình của công tác kế toán: Tổ chức vận dụng chế độ chứng từ kế toán; hệ thống tài khoản kế toán; hệ thống sổ kế toán; tổ chức thực hiện chế độ báo cáo kế toán và tổ chức bộ máy kế toán, theo chế độ tài chính, kế toán hiện hành.

#### **11.49. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ngân hàng thương mại trong nền kinh tế thị trường; các hoạt động nghiệp vụ liên quan đến nguồn vốn và quản lý nguồn vốn kinh doanh; tín dụng; ngân quỹ và thanh toán qua ngân hàng, bảo lãnh... của ngân hàng thương mại.

#### **11.50. Định giá tài sản (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học các mô hình định giá tài sản của doanh nghiệp, các kiến thức cơ bản, nguyên tắc, phương pháp và quy trình về thẩm định giá nói chung và định giá doanh nghiệp nói riêng chủ yếu tại Việt nam. Đánh giá được hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trên cơ sở đó xác định được giá trị thị trường của doanh nghiệp.

#### **11.51. Thực tập giáo trình (4TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Kế toán tài chính 1 và 2

Học phần tập trung nghiên cứu các nội dung: Thiết lập hệ thống sổ kế toán; lập các chứng từ và ghi sổ sách kế toán (sổ tổng hợp và sổ chi tiết) liên quan đến kế toán vốn bằng tiền; Tạm ứng; kế toán vật tư và tài sản cố định; kế toán tiền lương, các khoản phải trích theo lương; kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh ...

#### **11.52. Thực hành kế toán doanh nghiệp (3 TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP- Kế toán tài chính 3

Học phần hướng dẫn người học thực hành hoàn thiện các thao tác cơ bản, nội dung, phương pháp về toàn bộ quy trình của công việc hạch toán kế toán, trên cơ sở dữ liệu thực hành giả định của một doanh nghiệp sản xuất như: Lập các loại chứng từ; Ghi hệ thống sổ kế toán có liên quan và lập một số báo cáo bắt buộc theo chế độ kế toán hiện hành.

#### **11.53. Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Kế toán Hành chính sự nghiệp

Học phần hướng dẫn người học thực hành hoàn thiện các thao tác cơ bản, nội dung, phương pháp về toàn bộ quy trình của công việc hạch toán kế toán, trên cơ sở dữ liệu thực hành giả định của một đơn vị hành chính sự nghiệp như: Lập các loại chứng từ; Ghi hệ thống sổ kế toán có liên quan và lập một số báo cáo bắt buộc theo chế độ kế toán hiện hành.

#### **11.54. Kế toán doanh nghiệp xây lắp (2 TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về kế toán doanh nghiệp xây lắp: Khái quát về công tác kế toán của các đơn vị xây lắp; Nguyên tắc, phương pháp hạch toán từng phần hành kế toán cụ thể ở doanh nghiệp xây lắp như: Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, doanh thu và xác định kết quả

kinh doanh.

### **11.55. Kế toán ngân hàng thương mại (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Nguyên lý kế toán; Nghiệp vụ ngân hàng thương mại

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức đặc thù trong hoạt động kế toán ngân hàng thương mại như: Tổ chức công tác kế toán; phương pháp kế toán các loại nguồn vốn và các nghiệp vụ chủ yếu trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại; từ đó xác định được thu nhập, chi phí và kết quả kinh doanh.

### **11.56. Kế toán quốc tế (2 TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về nội dung và phương pháp hạch toán của kế toán quốc tế và đặc biệt là kế toán Mỹ. Cụ thể: Thực hiện được công việc hạch toán cơ bản theo hệ thống kế toán Mỹ; Hoàn thiện chu kỳ kế toán thông qua các bước cơ bản, nhằm xác định được kết quả kinh doanh trong kỳ hạch toán kế toán Mỹ; Lập được các báo cáo tài chính cơ bản theo hệ thống kế toán Mỹ.

### **11.57. Kế toán ngân sách xã, phường (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về công tác kế toán ngân sách và tài chính xã: Nội dung, nguyên tắc và các phương pháp hạch toán kế toán một số phần hành kế toán chủ yếu, thuộc lĩnh vực ngân sách, tài chính xã theo luật Ngân sách và chế độ kế toán hiện hành.

### **11.58. Quản trị tài chính doanh nghiệp (2 TC)**

Điều kiện tiên quyết: HP - Quản trị học

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, bao gồm: quản lý tài sản cố định; quản lý tài sản lưu động và vốn lưu động; quản lý vốn bằng tiền; quản lý tín dụng thương mại; quản lý nguồn vốn của doanh nghiệp; các quyết định và phân tích về chi phí đầu tư; phân tích tài chính trong quản lý doanh nghiệp.

## **12. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

### **12.1. Quy định chung**

- Việc thực hiện chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý đất đai dựa trên các căn cứ sau:

- + Luật Giáo dục hiện hành;
- + Quyết định 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;
- + Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- + Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

+ Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28 tháng 9 năm 2015, được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 660/QĐ-ĐHTTr ngày 26/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành quy định đào tạo đại học – cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

+ Quyết định số 37/QĐ-ĐHTTr ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành quy định thực tập đối với khối ngành ngoài sư phạm;

+ Tuân thủ theo hướng dẫn số 502/HD-ĐHTTr ngày 02/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc xây dựng, cập nhật, đánh giá, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của một số trường Đại học, Cao đẳng hiện đang đào tạo ngành

- Khi thực hiện nội dung chương trình đào tạo các đơn vị, cá nhân có liên quan phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo đã ban hành và đề cương chi tiết học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu nhà phê duyệt trước khi thực hiện.

- Các đơn vị, cá nhân có liên quan xây dựng đề cương bài giảng/giáo án và tổ chức giảng dạy theo hướng thực hành, tích cực các hoạt động thực tiễn gắn với nghề nghiệp, đồng thời chú trọng việc hướng dẫn sinh viên tự đọc, tự nghiên cứu tài liệu. Đối với các học phần lí thuyết, cần tổ chức việc dạy và học theo yêu cầu phát huy tính chủ đạo của người dạy, tính chủ động, tích cực của người học. Cần phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu: tài liệu, giáo trình, thiết bị dạy học.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên lên lớp phải được bố trí hợp lí về chuyên môn, theo đặc thù của ngành, của từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, mỗi năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm một kỳ học phụ để sinh viên có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi

- Quy định thực hiện các học phần:

+ Các học phần lí thuyết học tại lớp: Không quá 30 tiết/ tuần, được chia thành các phần: Lí thuyết, bài tập, thảo luận, kiểm tra, thực hành môn học.

+ Học phần thực tập, rèn nghề: Thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

+ Một tiết học được tính bằng 50 phút.

- Hình thức tuyển sinh: Từ nguồn thí sinh đăng kí thi tuyển hệ Đại học chính quy, khối A, B, D, K1.

- Đánh giá học phần .

+ Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, bài tập và thực hành:

Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%;

Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%;

Điểm thành phần 3: Điểm thi kết thúc học phần, trọng số 60%.

### **12.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần**

- Tổ chức kiểm tra giữa kỳ (kiểm tra thường xuyên)

Các học phần có số tín chỉ  $\leq 2$  tiến hành kiểm tra một lần, đối với các học phần từ 3 tín chỉ trở lên kiểm tra 2 lần.

Đối với các tín chỉ bài tập hoặc thực hành, thì lấy một điểm bài tập hoặc thực hành làm điểm kiểm tra giữa kỳ. Đối với các học phần rèn nghề không tổ chức kiểm tra giữa kỳ mà lấy điểm kết quả rèn nghề và điểm chuyên cần để tính điểm học phần.

- Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

+ Thời gian thi của các học phần: Học phần có khối lượng 2 tín chỉ: 60 phút; học phần có khối lượng từ 3 tín chỉ: 90 phút.

+ Thời gian thi theo hình thức trắc nghiệm ít nhất 15 phút/tín chỉ.

+ Tổ chức thi kết thúc học phần do Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng chủ trì phối hợp với bộ môn, khoa để tổ chức kỳ thi theo quy định.

+ Sinh viên có lý do chính đáng không thể dự thi kết thúc học phần phải làm đơn xin hoãn thi kèm theo giấy xác nhận của cơ quan y tế (nếu bị ốm, tai nạn), nộp tại Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng trong vòng 1 tuần kể từ ngày thi. Khi đã được chấp nhận, sinh viên được sắp xếp thi cùng lớp khác và kết quả được tính là kết quả thi lần 1.

### **12.3. Hướng dẫn xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp**

- Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

+ Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

+ Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo;

+ Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

+ Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;

+ Có đơn gửi Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học;

+ Nộp đầy đủ học phí, kinh phí theo quy định của trường;

+ Đạt chuẩn đầu ra theo quy định của trường đối với ngành quản lý đất đai;

- Thời gian xét tốt nghiệp: Do Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng đề xuất trên cơ sở chương trình, số lượng sinh viên đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

- Sinh viên thuộc đối tượng hoãn công nhận tốt nghiệp một năm, khi hết thời hạn phải có đơn xin công nhận tốt nghiệp kèm theo bản kiểm điểm đánh giá những tiến bộ của bản thân và xác nhận của địa phương, nơi sinh viên về tham gia sản xuất, sinh hoạt hoặc công tác, đề nghị Hiệu trưởng xét công nhận tốt nghiệp với khóa sau. Hồ sơ xin công nhận tốt nghiệp nộp tại Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng trước 1 tháng kể từ ngày Nhà trường xét tốt nghiệp.

Trong quá trình thực hiện nếu phát hiện vấn đề gì bất hợp lý đề nghị phản ánh với lãnh đạo Khoa trình Hội đồng trường xem xét quyết định điều chỉnh cho phù hợp./.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Đã ký**

**PGS.TS. Nguyễn Bá Đức**